

Số: 1646/QĐ-UBND

Ba Đình, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 và số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định của UBND Thành phố Hà Nội: số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND quận Ba Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công của quận Ba Đình;

Theo văn bản số 2887/QHKT-KHTH ngày 22/6/2021 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về quy mô đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ;

Theo văn bản số 351/QLĐT ngày 25/6/2021 của Phòng Quản lý đô thị về

việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình số 1088/TTr-BDA ngày 08/6/2021 về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ và báo cáo của Phòng Quản lý đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ theo các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ.
2. Người quyết định đầu tư: UBND quận Ba Đình
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình..
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
 - Mục tiêu: Nâng cao cơ sở vật chất, môi trường dạy và học của nhà trường, đảm bảo tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia theo định hướng phát triển tương lai của ngành giáo dục quận.
 - Quy mô xây dựng: Xây dựng, cải tạo tổng thể khối nhà học, nhà hiệu bộ cao 7 tầng, đáp ứng đầy đủ các phòng chức năng theo tiêu chí đạt chuẩn; cải tạo hệ thống điện, hệ thống nước; cải tạo hệ thống PCCC; Hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phục vụ cổng, sân, tường rào,... Đầu tư trang thiết bị học tập cho học sinh và trang thiết bị làm việc cho giáo viên nhà trường.
5. Tổ chức tư vấn thực hiện khảo sát xây dựng và lập Dự án đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn Viglacera.
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
 - Địa điểm: Số 3 ngõ 9 phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình.
 - Diện tích đất sử dụng: Trong phạm vi ranh giới diện tích đất hiện trạng đang quản lý, sử dụng của Trường Tiểu học Thủ Lệ.
7. Loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
 - Công trình giáo dục, cấp II.
 - Thời hạn sử dụng công trình: Theo quy định đối với công trình cấp II.
8. Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.
9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **105.237.180.000 đồng.**
(Một trăm linh lăm tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	70.818.641.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	13.990.815.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.344.615.375 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.476.990.313 đồng
- Chi phí khác:	2.297.597.421 đồng
- Chi phí dự phòng:	11.308.520.672 đồng

* **Lưu ý:** Giá trị tổng mức đầu tư là cơ sở để quản lý chi phí đầu tư xây dựng, không có giá trị thanh, quyết toán. Chi phí thiết bị tạm tính theo đề xuất của đơn vị tư vấn, đã được Chủ đầu tư thống nhất trình. Chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn

chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng công việc; thực hiện nghiệm thu thanh quyết toán tuân thủ theo các quy định, chính sách hiện hành.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2022.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn XDCB ngân sách quận.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án theo quy định.

13. Quy chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận:

- Kiểm tra, hoàn chỉnh các nội dung đã yêu cầu tại Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ số 351/QLĐT ngày 25/6/2021 của Phòng Quản lý đô thị trước khi triển khai các bước tiếp theo; hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ trình phê duyệt dự án.

- Lựa chọn các nhà thầu trong giai đoạn thực hiện dự án có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án, đảm bảo đáp ứng tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của UBND quận và các quy định hiện hành.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các quy định hiện hành và yêu cầu của UBND quận. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND quận đối với các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư.

- Quá trình thực hiện dự án nếu phát sinh trường hợp phải điều chỉnh dự án hoặc điều chỉnh thiết kế cơ sở chủ đầu tư phải báo cáo UBND quận để được chấp thuận trước khi thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng.

- Khảo sát đầy đủ các công trình ngầm và nổi trong khu vực (nếu có) và kết hợp với cơ quan quản lý công trình đó để có biện pháp bảo vệ, di chuyển, đảm bảo các điều kiện an toàn theo các quy định của Nhà nước.

- Công khai dự án đã được phê duyệt trong cộng đồng dân cư và triển khai lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Xây dựng, cải tạo tổng thể Trường Tiểu học Thủ Lệ theo quy định. Phối hợp, tạo điều kiện cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phường Ngọc Khánh thực hiện công tác giám sát theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty cổ phần tư vấn Viglacera: Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và UBND quận Ba Đình về nội dung, tính chính xác của hồ sơ sản phẩm tư vấn thực hiện.

3. Các phòng Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và đào tạo:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về trình tự thủ tục, quản lý chất lượng, tiến độ, vệ sinh môi trường... theo chức năng, nhiệm vụ của các phòng.

- Phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu UBND quận chấp thuận phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và đào tạo; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thủ Lệ; Chủ tịch UBND phường Ngọc Khánh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình; Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn Viglacera và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Quận uỷ; TT.HĐND quận (để b/c);
- Các Đ/c PCT UBND quận;
- Lưu: VT, QLĐT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Nam Chiến

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, CẢI TẠO TỔNG THỂ TRƯỜNG TIỂU HỌC THỦ LỆ
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 3 NGÕ 9, PHỐ ĐÀO TẤN, PHƯỜNG NGỌC KHÁNH, QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI**

STT	CHI PHÍ	CƠ SỞ TÍNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG + THIẾT BỊ					77.099.505.455	7.709.950.545	84.809.456.000	Gxd+Gtb
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG					64.380.582.727	6.438.058.273	70.818.641.000	Gxd
1	Phá dỡ công trình cũ		m2	2.101	500.000	1.050.500.000	105.050.000	1.155.550.000	
2	Phần công trình cải tạo (cải tạo 70%)			880	6.082.364	5.352.480.000	535.248.000	5.887.728.000	
3	Phần công trình xây mới					54.516.647.273	5.451.664.727	59.968.312.000	
3.1	Nhà học + hiệu bộ	SĐT lấy theo Trường Thành Công B, lấy hệ số 1,2	m2	5.764	8.689.091	50.083.920.000	5.008.392.000	55.092.312.000	
3.2	Cờ xung quanh công trình		m dài	3.600	600.000	2.160.000.000	216.000.000	2.376.000.000	
2.3	Chỉnh trang mặt đứng công trình		tt			2.272.727.273	227.272.727	2.500.000.000	
3	Phần PCCC					3.027.802.727	302.780.273	3.330.583.000	
4	Phần chống mối			1.040	660.000	686.400.000	68.640.000	755.040.000	
5	Phần hạ tầng ngoài nhà					5.099.232.727	509.923.273	5.609.156.000	
6.1	Sân đường, cây xanh, cấp điện, cấp nước, thoát nước ngoài nhà	SĐT lấy theo Trường Thành Công B, lấy hệ số 1,2	m2	1.276	1.560.000	1.990.560.000	199.056.000	2.189.616.000	
6.2	Hàng rào xung quanh nhà		md	260	2.400.000	624.000.000	62.400.000	686.400.000	
6.3	Cổng		bộ	2	200.000.000	400.000.000	40.000.000	440.000.000	
6.4	Bể nước sinh hoạt + PCCC + cờ xung quanh bể	SĐT lấy theo Trường Thành Công B, lấy hệ số 1,2	m3	380	4.800.000	1.824.000.000	182.400.000	2.006.400.000	
6.5	Nhà bảo vệ + trạm bơm		m	30	8.689.091	260.672.727	26.067.273	286.740.000	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ					12.718.922.727	1.271.892.273	13.990.815.000	Gtb
1	Thiết bị trường học	dự toán chi tiết				4.090.581.818	409.058.182	4.499.640.000	
2	Thiết bị mua sắm tập trung	dự toán chi tiết				1.453.054.545	145.305.455	1.598.360.000	
3	Thiết bị điều hòa	dự toán chi tiết				2.275.854.545	227.585.455	2.503.440.000	
4	Thiết bị xây lắp					90.909.091	9.090.909	100.000.000	
5	Thiết bị PCCC	dự toán chi tiết				2.171.250.000	217.125.000	2.388.375.000	
6	Thiết bị bếp	dự toán chi tiết				455.454.545	45.545.455	501.000.000	
7	Thiết bị : 2 thang máy, 1 thang tời					2.181.818.182	218.181.818	2.400.000.000	

1-14-2015

STT	CHI PHÍ	CƠ SỞ TÍNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	TT16/2019/TT-BXD	2,180%	80%	(Gxd+Gtb)	1.344.615.375		1.344.615.375	Gqlda	
C	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD					4.979.082.103	497.908.210	5.476.990.313		
1	Chi phí đặc, lập bản đồ hiện trạng	HD 192/2020/HD ngày 01/9/2020				27.165.455	2.716.545	29.882.000		
2	Chi phí xin số liệu hạ tầng	HD 128/HD-VQH ngày 08/02/2021				9.062.727	906.273	9.969.000		
3	Chi phí kiểm định chất lượng công	HD 130/2020/HD ngày 03/9/2020				153.288.182	15.328.818	168.617.000	KS	
4	Khảo sát địa chất công trình (3 hố khoan)	HD 132/2020/HD ngày 03/9/2020				220.878.182	22.087.818	242.966.000	KS	
5	Chi phí khảo sát hiện trạng công trình	HD 129/2020/HĐTV ngày 03/9/2020				10.518.182	1.051.818	11.570.000	KS	
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát					315.545	31.555	347.100		
7	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả					443.413.767	44.341.377	487.755.144		
8	Chi phí lập thiết kế BVTC + dự toán	TT16/2019/TT-BXD	2,725%	*	Gxd	1.754.370.879	175.437.088	1.929.807.967	TV	
9	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi		0,164%	*	Gxd	105.584.156	10.558.416	116.142.571		
10	Chi phí thẩm tra dự toán		0,16%	*	Gxd	102.365.127	10.236.513	112.601.639		
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,265%	*	Gxd	1.458.220.199	145.822.020	1.604.042.219	GS	
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,809%	*	Gtb	102.896.085	10.289.608	113.185.693		
13	Chi phí thẩm định giá thiết bị		0,500%	*	Gtb	63.594.614	6.359.461	69.954.075		
14	Chi phí giám sát công tác khảo sát		4,072%	*	KS	15.664.355	1.566.435	17.230.790		
15	Chi phí thí nghiệm cọc nén tĩnh		5	*	66.160.737	330.803.685	33.080.368	363.884.053		
16	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn thiết kế BVTC+ dự toán		TT16/2019/TT-BXD	0,696%	*	TV	12.210.421	1.221.042	13.431.463	
17	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát			0,696%	*	GS	10.149.213	1.014.921	11.164.134	
18	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp			0,175%	*	Gxd	112.666.020	11.266.602	123.932.622	
19	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thiết bị			0,361%	*	Gtb	45.915.311	4.591.531	50.506.842	
D	CHI PHÍ KHÁC						2.247.408.217	50.189.204	2.297.597.421	
1	Phí thẩm định dự án đầu tư		TT 209/2016/TT-BTC	0,014%	*	TMDT	14.733.205		14.733.205	
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC xây dựng công trình	210/TT-BXD	0,0308%	*	Gxd	16.791.127		16.791.127		
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	210/TT-BXD	0,0298%	*	Gxd	16.245.961		16.245.961		

STT	CHI PHÍ	CƠ SỞ TÍNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
4	Chi phí thỏa thuận với các cơ quan chuyên ngành	tt				150.000.000		150.000.000	
5	Chi phí kiểm toán	TT 10/2020/TT- BTC	0,389%	*	TMĐT-DPP	409.372.629	40.937.263	450.309.892	
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		0,250%	*	TMĐT-DPP	263.092.949		263.092.949	
7	Chi phí bảo hiểm công trình xây	329/2016/TT-BTC	0,120%	*	(GxI+Gtb)	92.519.407	9.251.941	101.771.347	
8	Chi phí di chuyển đồ đạc đi và về	tt				300.000.000		300.000.000	
9	Chi phí thuê, sửa chữa địa điểm học trong quá trình thi công	tt				500.000.000		500.000.000	
10	Chi phí đền bù lún nứt công trình xung quanh	tt				300.000.000		300.000.000	
11	Chi phí chặt hạ cây xanh	tt				100.000.000		100.000.000	
12	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thi tư vấn TKTC + dự toán	63/2014/ND-CP	0,1%			1.754.371		1.754.371	
13	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thi tư vấn giám sát	63/2014/ND-CP	tối thiểu			2.000.000		2.000.000	
14	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thi công xây lắp	63/2014/ND-CP	0,1%	*	GxI	64.380.583		64.380.583	
15	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu thiết bị	63/2014/ND-CP	0,1%	*	Gtb	12.718.923		12.718.923	
16	Phí thẩm duyệt PCCC	TT 258/2016/TT-BTC	0,00361%	*	TMĐT	3.799.062		3.799.062	
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	06/TT-BXD				10.280.473.338	1.028.047.334	11.308.520.672	Gdp
1	Chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh				10% x (A+B+C+D)	8.567.061.115	856.706.111	9.423.767.226	Gdpl
2	Chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá				2% x (A+B+C+D)	1.713.412.223	171.341.222	1.884.753.445	Gdpl
	Tổng cộng					95.951.084.488	9.286.095.293	105.237.179.781	TMĐT
	Làm tròn							105.237.180.000	

Bảng chữ: Một trăm linh năm tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng.

